

Số: /BC-UBND

Kiến Minh, ngày tháng 3 năm 2026

## BÁO CÁO

### Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực quý I và năm 2026

Thực hiện Công văn số 516/TTTP-NV6, ngày 10/3/2026 của Thanh tra Thành phố về việc thực hiện báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực quý I năm 2026; Ủy ban nhân dân xã Kiến Minh báo cáo kết quả cụ thể như sau:

#### I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC

##### 1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo

###### 1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Trong quý I năm 2026, Ủy ban nhân dân xã Kiến Minh tiếp tục quán triệt và triển khai nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Thành phố về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Công tác phòng, chống tham nhũng được xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, việc giữ vững kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước tại địa phương.

Trong kỳ báo cáo, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 28/01/2026 về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực năm 2026, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận chuyên môn. Sau khi ban hành kế hoạch, UBND xã tổ chức quán triệt tới toàn thể cán bộ, công chức nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của xã duy trì chế độ theo dõi, nắm tình hình, kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế phát sinh trong quá trình thực hiện; trong quý I không phát sinh vụ việc phức tạp liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

###### 1.2. Công tác kiểm tra, giám sát

UBND xã thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc triển khai công tác phòng, chống tham nhũng tại các bộ phận chuyên môn, tập trung vào các lĩnh vực dễ phát

sinh tiêu cực như quản lý đất đai, tài chính – ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản và giải quyết thủ tục hành chính.

Trong quý I năm 2026, UBND xã đã tổ chức 02 cuộc kiểm tra, rà soát liên quan đến quản lý đất đai, trật tự xây dựng và an toàn thực phẩm. Qua kiểm tra cho thấy các hoạt động được thực hiện đúng quy định, không phát hiện sai phạm.

### ***1.3. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật***

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tiếp tục được duy trì thông qua hệ thống truyền thanh của xã và các cuộc họp tại thôn.

Trong quý I năm 2026: Thực hiện 05 lượt tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh; lồng ghép nội dung phòng, chống tham nhũng tại 09 cuộc họp thôn; 100% cán bộ, công chức được quán triệt các quy định về PCTN.

Nội dung tuyên truyền tập trung vào Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các quy định về công khai, minh bạch và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

### ***1.4. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách***

Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành rà soát các quy chế nội bộ, quy trình giải quyết công việc và các quy định liên quan đến quản lý tài chính, đất đai, giải quyết thủ tục hành chính. Qua rà soát cho thấy các quy định hiện hành cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương, chưa phát hiện sơ hở có nguy cơ phát sinh tham nhũng, tiêu cực.

### ***1.5. Tổ chức bộ máy và phân công nhiệm vụ***

Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của xã tiếp tục duy trì hoạt động thường xuyên; các thành viên được phân công nhiệm vụ cụ thể trong việc theo dõi, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng tại địa phương.

### ***1.6. Kết quả thanh tra trách nhiệm***

Trong quý I năm 2026 không phát sinh cuộc thanh tra trách nhiệm về phòng, chống tham nhũng. Qua công tác kiểm tra, giám sát nội bộ và theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức cho thấy không phát hiện vi phạm, không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

## **2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng**

### ***2.1. Công khai, minh bạch***

Ủy ban nhân dân xã thực hiện nghiêm các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan. Các nội dung liên quan đến thu – chi ngân sách, thực hiện các chính sách hỗ trợ xã hội, đầu tư công và giải quyết thủ tục hành chính đều được công khai tại trụ sở UBND xã và thông báo rộng rãi đến Nhân dân các thôn.

## ***2.2. Thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ***

Công tác quản lý tài chính – ngân sách được thực hiện đúng quy định của Nhà nước. Các khoản chi được thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn và định mức hiện hành, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Trong quý I năm 2026 không phát hiện trường hợp vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

## ***2.3. Thực hiện quy tắc ứng xử***

Cán bộ, công chức của xã nghiêm túc thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ; không có phản ánh, khiếu nại của người dân về hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực trong quá trình giải quyết công việc. Tỷ lệ hài lòng của người dân khi giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 98%.

## ***2.4. Chuyển đổi vị trí công tác***

Trong quý I năm 2026 chưa thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác do biên chế của xã còn hạn chế. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân xã tiếp tục rà soát các vị trí công tác có nguy cơ phát sinh tiêu cực để xây dựng kế hoạch luân chuyển phù hợp trong thời gian tới.

## ***2.5. Cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin***

Công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số tiếp tục được đẩy mạnh. Trong quý, Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận: 8.139 hồ sơ; tổng số hồ sơ đã giải quyết: 8.023 hồ sơ; tỷ lệ giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt khoảng 99,9%. Việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ được thực hiện chủ yếu trên môi trường điện tử, góp phần nâng cao tính minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính.

## ***2.6. Kiểm soát tài sản, thu nhập***

Công tác kê khai và kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức được thực hiện nghiêm túc. Trong quý I năm 2026 61/61 cán bộ, công chức thuộc diện kê khai đã thực hiện kê khai đầy đủ, không phát sinh trường hợp vi phạm.

## **3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng**

Trong quý, qua công tác kiểm tra, giám sát nội bộ, giải quyết khiếu nại, tố cáo và hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể không phát hiện vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Số vụ việc tham nhũng phát hiện: 0 vụ
- Số đối tượng liên quan: 0 người
- Tài sản tham nhũng phát hiện: 0

#### **4. Kết quả phòng chống tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước**

Ủy ban nhân dân xã phối hợp với các thôn và các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp và hợp tác xã trên địa bàn thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Trong quý I năm 2026 không phát sinh vụ việc tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước.

#### **5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng chống tham nhũng**

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục phát huy vai trò giám sát trong các lĩnh vực quản lý đất đai, trật tự xây dựng, quản lý ngân sách và triển khai các công trình dự án trên địa bàn.

Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư cộng đồng duy trì hoạt động giám sát thường xuyên; trong quý không phát hiện sai phạm.

## **II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

### **1. Đánh giá chung**

Trong quý I năm 2026, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên địa bàn xã Kiến Minh được triển khai nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả. Các biện pháp phòng ngừa được thực hiện tốt; công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, tài sản công và giải quyết thủ tục hành chính được tăng cường; kỷ luật, kỷ cương hành chính được giữ vững.

### **2. So sánh với kỳ trước**

So với quý IV năm 2025, công tác phòng, chống tham nhũng của xã tiếp tục được duy trì ổn định, không phát sinh vụ việc tham nhũng hoặc tiêu cực.

### **3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành**

Các nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng trong quý I năm 2026 cơ bản được triển khai đúng kế hoạch, đạt yêu cầu đề ra.

### **4. Khó khăn, hạn chế**

- Khối lượng công việc nhiều trong khi biên chế cán bộ phụ trách lĩnh vực về phòng chống tham nhũng còn hạn chế.
- Một số cán bộ cần tiếp tục nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin.

- Công tác tuyên truyền pháp luật đôi khi chưa thật sự sâu rộng.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

#### **1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp**

Trong thời gian tới, UBND xã Kiến Minh tiếp tục tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của cấp trên về phòng, chống tham nhũng.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ đối với các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực như đất đai, tài chính – ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản và giải quyết thủ tục hành chính.

- Thực hiện nghiêm các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản công.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

- Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và Nhân dân trong phòng, chống tham nhũng.

#### **2. Kiến nghị, đề xuất**

Đề nghị thành phố quan tâm, tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác phòng, chống tham nhũng cho cán bộ cấp cơ sở. Hướng dẫn cụ thể hơn việc thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập đối với cán bộ cấp xã. Quan tâm hỗ trợ trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số và cải cách hành chính tại địa phương.

Trên đây là Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Kiến Minh về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực quý I và năm 2026./.

**Nơi nhận:**

- Thanh tra thành phố;
- CT, các PCT UBND xã;
- CVP, PCVP HĐND và UBND xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Tiến Thuật**

**Phụ lục 01**  
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC**  
*(Kèm theo Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực quý I năm 2026)*

| MS | NỘI DUNG  | ĐVT        | SỐ LIỆU |
|----|---|------------|---------|
|    | <b>CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT</b>  |            |         |
| 1  | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN  | Văn bản    | 02      |
| 2  | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành   | Văn bản    |         |
| 3  | Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành   | Văn bản    |         |
|    | <b>TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC</b>  |            |         |
| 4  | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tổ chức   | Lớp        |         |
| 5  | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực | Lượt người |         |
| 6  | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản  | Tài liệu   |         |
|    | <b>THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG TNLPTC</b>   |            |         |
| 7  | Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống TNLPTC   | Cuộc       |         |
| 8  | Số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống TNLPTC đã ban hành kết luận                                       | Cuộc       |         |
| 9  | Số đơn vị được thanh tra  | Đơn vị     |         |
|    | <b>Kiến nghị xử lý hành chính</b>   |            |         |
| 10 | + Tập thể   | Tập thể    |         |
| 11 | + Cá nhân   | Người      |         |
|    | <b>Kiến nghị xử lý hình sự</b>  |            |         |
| 12 | + Số vụ   | Vụ         |         |
| 13 | + Số đối tượng  | Đối tượng  |         |
|    | <b>PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>   |            |         |
|    | <b>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</b>   |            |         |

|    |  |            |  |
|----|--|------------|--|
| 14 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động  | CQ, TC, ĐV |  |
| 15 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động   | CQ, TC, ĐV |  |
|    | <b><i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i></b>   |            |  |
| 16 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới  | Văn bản    |  |
| 17 | Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ  | Văn bản    |  |
| 18 | Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ  | Cuộc       |  |
| 19 | Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ   | Vụ         |  |
| 20 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ  | Người      |  |
| 21 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính   | Người      |  |
| 22 | Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự  | Người      |  |
| 23 | Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |  |
| 24 | Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường  | Triệu đồng |  |
|    | <b><i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i></b>   |            |  |
| 25 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn   | CQ, TC, ĐV |  |
| 26 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý  | Người      |  |
| 27 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị  | Người      |  |
| 28 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)  | Triệu đồng |  |
| 29 | Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích  | Người      |  |
| 30 | Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ   | Người      |  |
|    | <b><i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i></b>   |            |  |
| 31 | Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng   | Người      |  |

|      |  |            |     |
|------|--|------------|-----|
| 32   | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng                                   | Người      |     |
|      | <b><i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i></b>               |            |     |
| 33   | Số dịch vụ công trực tuyến   | Thủ tục    | 379 |
| 34   | Số dịch vụ công trực tuyến toàn trình  | Thủ tục    | 219 |
| 35   | Số dịch vụ công trực tuyến một phần  | Thủ tục    | 160 |
| 36   | Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt  | Cuộc       |     |
| 37   | Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt  | Vụ         |     |
| 38   | Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)  | Triệu đồng |     |
| 39   | Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)   | %          |     |
|      | <b><i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i></b>                          |            |     |
| 40   | Số người đã thực hiện kê khai và công khai tài sản, thu nhập trong kỳ  | Người      | 61  |
| 41   | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập  | Người      | 61  |
| 42   | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập | CQ, TC, ĐV |     |
| 43   | Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập   | Người      |     |
| 43.1 | <i>Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực</i>   | Người      |     |
| 43.2 | <i>Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập</i>   | Người      |     |
|      | <b>PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>                                   |            |     |
| 44   | Tổng số vụ việc tham nhũng, tiêu cực được phát hiện trong kỳ báo cáo   | Vụ         |     |
| 45   | Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng, tiêu cực được phát hiện trong kỳ báo cáo  | Người      |     |
| 46   | Tổng số vụ việc gây lãng phí được phát hiện trong kỳ báo cáo   | Vụ         |     |
| 47   | Tổng số đối tượng có hành vi gây lãng phí được phát hiện trong kỳ báo cáo  | Người      |     |
|      | <b><i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i></b>  |            |     |

|    |   |       |  |
|----|---|-------|--|
| 48 | Số vụ TNLPTC đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước   | Vụ    |  |
| 49 | Số đối tượng có hành vi TNLPTC được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước  | Người |  |
| 50 | Số vụ TNLPTC được phát hiện qua công tác tự kiểm tra  | Vụ    |  |
| 51 | Số đối tượng có hành vi TNLPTC được phát hiện qua công tác tự kiểm tra  | Người |  |
| 52 | Số vụ TNLPTC được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống TNLPTC trong cơ quan có chức năng phòng, chống TNLPTC  | Vụ    |  |
|    | <i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống TNLPTC trong cơ quan thanh tra</i>   | Vụ    |  |
| 53 | Số đối tượng có hành vi TNLPTC được phát hiện qua kiểm tra trong cơ quan có chức năng phòng, chống TNLPTC   | Người |  |
|    | <i>- Trong đó số đối tượng có hành vi TNLPTC được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống TNLPTC trong cơ quan thanh tra</i>   | Người |  |
|    | <b><i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i></b>  |       |  |
| 54 | Số vụ tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử                   | Vụ    |  |
| 55 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử | Người |  |
| 56 | Số vụ tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra   | Vụ    |  |
| 57 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng, tiêu cực được phát hiện qua hoạt động thanh tra   | Người |  |
| 58 | Số vụ lãng phí được phát hiện qua hoạt động thanh tra   | Vụ    |  |
| 59 | Số đối tượng có hành vi gây lãng phí được phát hiện qua hoạt động thanh tra   | Người |  |
| 60 | Số vụ tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán   | Vụ    |  |
| 61 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán   | Người |  |
| 62 | Số vụ lãng phí được phát hiện qua hoạt động kiểm toán   | Vụ    |  |
| 63 | Số đối tượng có hành vi gây lãng phí được phát hiện qua hoạt động kiểm toán   | Người |  |
|    | <b><i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực</i></b>   |       |  |

|    |  |         |  |
|----|--|---------|--|
| 64 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi TNLPTC  | Vụ việc |  |
| 65 | Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi TNLPTC đã được xem xét  | Vụ việc |  |
| 66 | Số vụ TNLPTC phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi TNLPTC                                    | Vụ      |  |
| 67 | Số đối tượng có hành vi TNLPTC phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi TNLPTC                  | người   |  |
|    | <b><i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i></b>  |         |  |
| 68 | Số vụ TNLPTC được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo   | Vụ      |  |
| 69 | Số đối tượng có hành vi TNLPTC phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo  | Người   |  |
|    | <b><i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i></b>  |         |  |
| 70 | Số vụ TNLPTC được phát hiện thông qua các hoạt động khác   | Vụ      |  |
| 71 | Số đối tượng có hành vi TNLPTC phát hiện qua các hoạt động khác  | Người   |  |
|    | <b><i>Qua điều tra tội phạm</i></b>  |         |  |
| 72 | Số vụ án tham nhũng, tiêu cực (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố                                  | Vụ      |  |
| 73 | Số đối tượng tham nhũng, tiêu cực (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố                                | Người   |  |
| 74 | Số vụ án gây lãng phí (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố  | Vụ      |  |
| 75 | Số đối tượng gây lãng phí (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố  | Người   |  |
|    | <b><i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực</i></b>                                 |         |  |
| 76 | Số người tố cáo hành vi TNLPTC được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo                                    | Người   |  |
| 77 | Số người tố cáo hành vi TNLPTC bị trả thù  | Người   |  |
| 78 | Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo  | Người   |  |
| 79 | Số người tố cáo hành vi TNLPTC đã được khen, thưởng  | Người   |  |
|    | <b><i>XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC</i></b> |         |  |
| 80 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi TNLPTC                      | Người   |  |
| 81 | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi TNLPTC              | Người   |  |

|      |  |                |  |
|------|--|----------------|--|
| 82   | Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra TNLPTC   | Người          |  |
| 82.1 | - <i>Khiển trách</i>   | Người          |  |
| 82.2 | - <i>Cảnh cáo</i>  | Người          |  |
| 82.3 | - <i>Cách chức</i>   | Người          |  |
|      | <b>XỬ LÝ THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>   |                |  |
| 83   | Số vụ án TNLPTC đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)        | Vụ             |  |
| 84   | Số đối tượng bị kết án TNLPTC (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó: | Người          |  |
| 84.1 | - <i>Số đối tượng phạm tội TNLPTC ít nghiêm trọng</i>  | Người          |  |
| 84.2 | - <i>Số đối tượng phạm tội TNLPTC nghiêm trọng</i>   | Người          |  |
| 84.3 | - <i>Số đối tượng phạm tội TNLPTC rất nghiêm trọng</i>   | Người          |  |
| 84.4 | - <i>Số đối tượng phạm tội TNLPTC đặc biệt nghiêm trọng</i>  | Người          |  |
| 85   | Số vụ việc TNLPTC đã được xử lý hành chính   | Vụ             |  |
| 86   | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi TNLPTC  | Người          |  |
| 87   | Số vụ việc TNLPTC đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)  | Vụ             |  |
| 88   | Số đối tượng TNLPTC đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)  | Người          |  |
|      | <b>Tài sản bị TNLPTC, gây thiệt hại do TNLPTC đã phát hiện được</b>  |                |  |
| 89   | Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)   | Triệu đồng     |  |
| 90   | Đất đai  | m <sup>2</sup> |  |
|      | <b>Tài sản TNLPTC, gây thiệt hại do TNLPTC đã được thu hồi, bồi thường</b>   |                |  |
| 91   | Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)   | Triệu đồng     |  |
| 91.1 | - <i>Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính</i>  | Triệu đồng     |  |
| 91.2 | - <i>Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp</i>   | Triệu đồng     |  |
| 92   | Đất đai  | m <sup>2</sup> |  |
| 92.1 | - <i>Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính</i>   | m <sup>2</sup> |  |
| 92.2 | - <i>Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp</i>  | m <sup>2</sup> |  |

|     |   |                |  |
|-----|---|----------------|--|
|     | <b>Tài sản TNLPTC, gây thiệt hại do TNLPTC không thể thu hồi, khắc phục được</b>  |                |  |
| 93  | Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)  | Triệu đồng     |  |
| 94  | Đất đai   | m <sup>2</sup> |  |
|     | <b>PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC TRONG NGÀNH THANH TRA (số liệu này nằm trong số liệu tổng hợp về phát hiện, xử lý TNLPTC trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)</b> |                |  |
| 95  | Tổng số vụ việc TNLPTC trong cơ quan thanh tra được phát hiện trong kỳ báo cáo  | Vụ             |  |
| 96  | Tổng số đối tượng trong cơ quan thanh tra có hành vi TNLPTC được phát hiện trong kỳ báo cáo   | Người          |  |
| 97  | Số vụ việc TNLPTC trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự  | Vụ             |  |
| 98  | Số đối tượng TNLPTC trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự  | Người          |  |
| 99  | Số vụ việc TNLPTC trong cơ quan thanh tra bị xử lý hành chính   | Vụ             |  |
| 100 | Số đối tượng TNLPTC trong cơ quan thanh tra bị xử lý kỷ luật  | Người          |  |
|     | <b>PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC</b>   |                |  |
| 101 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý   | Tổ chức        |  |
| 102 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN                       | Tổ chức        |  |
| 103 | Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN  | Tổ chức        |  |
| 104 | Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện  | Vụ             |  |
| 105 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện  | Người          |  |
| 106 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự   | Người          |  |

|     |  |            |  |
|-----|--|------------|--|
| 107 | Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng |  |
| 108 | Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)     | Triệu đồng |  |

**Phụ lục 02**  
**DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC ĐƯỢC**  
**PHÁT HIỆN TRONG KỲ**  
*(Kèm theo Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực quý I*  
*năm 2026)*

| <b>TT</b>           | <b>Tên vụ</b> | <b>Tên cơ quan,<br/>tổ chức, đơn<br/>vị xảy ra sự<br/>việc</b> | <b>Cơ quan thụ lý,<br/>giải quyết vụ việc</b> | <b>Tóm tắt nội<br/>dung vụ việc</b> | <b>Ghi<br/>chú</b> |
|---------------------|---------------|--|---|-------------------------------------|--------------------|
| 1                   |               |  |   |                                     |                    |
| 2                   |               |  |   |                                     |                    |
| ...                 |               |  |   |                                     |                    |
| <b>Tổng<br/>số:</b> |               |  |   |                                     |                    |

